TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 09/9/2024
V/v: *"Xin ly hôn, nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Nhi.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Hoa
2. Ông Lê Thành Thạnh Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Anh Thy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Khắc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 58/2024/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp *"Xin ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 143/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 09 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 102/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 23 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Duy K, sinh năm: 1996.
Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang.
- *Bị đơn:* Chị Bùi Kim P, sinh năm: 1990.
Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang.

(Anh K xin vắng mặt, chị P vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn anh Nguyễn Duy K trình bày:

Anh Nguyễn Duy K và chị Bùi Kim P tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 16/5/2023, tại UBND xã P. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 5/2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị P thường xuyên bỏ đi, không nói lý do. Ngoài ra chị P có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, anh có nhận được đoạn clip có hình ảnh của chị P và người đàn ông đó. Thời gian chị P bỏ nhà đi đến nay, chị P có điện thoại

yêu cầu anh K nộp đơn ly hôn vì không còn tình cảm với anh K. Nay anh K cũng không còn tình cảm với chị P nên xin ly hôn với chị P.

Về con chung: Anh K và chị P có 01 con chung tên Nguyễn Bùi Anh Khoa, sinh ngày 24/12/2018. Hiện Nguyễn Bùi Anh K đang sống chung với anh K. Ly hôn, anh K yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

* Quá trình tố tụng, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý, Thông báo về việc công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn Bùi Kim P hợp lệ nhưng chị Bùi Kim P vắng mặt không có lý do, cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Duy K.

* Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên

- *Về tố tụng*: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về nội dung vụ án*: Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Anh Nguyễn Duy K được ly hôn với chị Bùi Kim P. Về con chung: Giao 01 con chung tên Nguyễn Bùi Anh K, sinh ngày 24/12/2018 cho anh K tiếp tục nuôi dưỡng. Anh K chưa yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết

Anh Nguyễn Duy K và chị Bùi Kim P có đăng ký kết hôn vào năm 2023 nên là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử áp dụng Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để giải quyết. Anh Nguyễn Duy K xin ly hôn với chị Bùi Kim P nên đây là vụ án về: "*Xin ly hôn, nuôi con*" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Tân Phú Đông. Anh K có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Chị P vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ 2, không có lý do. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng xụ án mặt anh K, chị P.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của anh K

- *Về quan hệ hôn nhân*:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải anh K cho rằng vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 5/2024 thì phát sinh mâu thuẫn do chị P có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Thời gian anh K và chị P sống ly thân, anh chị không hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hiện tại anh K không còn tình cảm với chị P nên xin ly hôn. Xét thấy, tại đơn xin xác nhận ngày 22/5/2024 của anh K tại Uỷ ban nhân dân xã P, chị P có đăng ký thường trú tại hộ ông Nguyễn Văn M, tại ấp Kinh N, xã P, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang. Tòa án đã tống đạt cho chị P Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị P không gửi văn bản trình bày ý kiến, không tham gia phiên tòa là cố ý bỏ mặc cuộc hôn nhân của anh chị cho anh K quyết định. Do đó, cho thấy mâu thuẫn giữa anh K và chị P đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh K.

- *Về con chung:*

Anh K và chị P có 01 con chung tên Nguyễn Bùi Anh K, sinh ngày 24/12/2018. Ly hôn, anh K yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con. Chị P không có ý kiến về việc yêu cầu nuôi con chung của anh K. Xét thấy, Nguyễn Bùi Anh K đang sống với anh K. Để ổn định cuộc sống và đảm bảo điều kiện về mọi mặc cho Nguyễn Bùi Anh K, Hội đồng xét xử giao cho anh K tiếp tục nuôi dưỡng Nguyễn Bùi Anh K. Anh K chưa yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh K trình bày vợ chồng không có sản chung và nợ chung.

[3] Về phát biểu của Kiểm sát viên:

Ý kiến phân tích và đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về án phí:

- Anh Nguyễn Duy K, phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chị Bùi Kim P không nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều luật áp dụng:

- Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 5, khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147; khoản 1, 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Xử*:**

1. Về quan hệ hôn nhân:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Duy K.
- Anh Nguyễn Duy K được ly hôn với chị Bùi Kim P.

2. Về con chung:

- Giao con tên Nguyễn Bùi Anh K, sinh ngày 24/12/2018 cho anh Nguyễn Duy K tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Duy K chưa yêu cầu chị Bùi Kim P cấp dưỡng nuôi con.
- Chị Bùi Kim P được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh Nguyễn Duy K và các thành viên trong gia đình không được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí:

- Anh Nguyễn Duy K phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 *(ba trăm nghìn*) đồng, theo biên lai thu tiền số 0001716 ngày 28/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông. Như vậy, anh Nguyễn Duy K đã nộp xong án phí.
- Chị Bùi Kim P không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự

5. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt bản án hợp lệ, các đương sự có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện TPĐ;
- Chi cục THADS huyện TPĐ;
- Các đương sự;
- UBND xã P;
- Lưu án văn, hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa